

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26/5/2023

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Chiêu

Bà Lê Thị Trúc Linh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Trúc Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 401/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 15/8/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày: Chị và anh Nguyễn Trung K thành hôn vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Long ngày 01/10/2008. Thời gian vợ chồng sống chung được 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng hơn nên tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Chị xác định không thể tiếp tục chung

sống với anh K, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trung K. Về con chung, chị và anh K có 01 con chung tên Nguyễn Trung Hiếu T1, sinh ngày 16/8/2014 hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung chị S không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Trung K đã được Toà án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Toà án.

Tại biên bản xác minh ngày 28/03/2023 ông Đặng Văn X (Trưởng áp T) trình bày: Anh K có đăng ký hộ khẩu tại ấp T, xã H. Vợ chồng chị S, anh K thuê nhà mở tiệm uống tóc ngang trường cấp 2,3 xã H, ở địa phương không biết vợ chồng anh K xảy ra mâu thuẫn gì thấy anh K ít ở nhà và nhà thuê thường đóng cửa. Con chung của anh K, chị S được chị S chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo và cho học hành đầy đủ. Ngoài ra địa phương không biết không tin gì khác.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị S có đơn xin vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Trung K vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng không tham gia phiên tòa là vi phạm quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Trung K.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trung Hiếu T1, sinh ngày 16/8/2014 cho chị Nguyễn Thị S tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Trung K có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.
- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị S có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị S vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Trung K vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Trung K thành hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Long ngày 01/10/2008 nên xem đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.1.2] Trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị S cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh K. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập các đương sự đến hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh K vắng mặt nhiều lần chứng tỏ anh K không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Giữa chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Trung K có 01 con chung tên Nguyễn Trung Hiếu T1, sinh ngày 16/8/2014 hiện đang sống chung với chị S, chị S yêu cầu tiếp tục nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, anh K đã nhận được bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện do chị S gửi và thông báo thụ lý vụ án Tòa án nhưng anh K không có ý kiến về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chứng tỏ anh K thống nhất yêu cầu khởi kiện của chị S. Mặt khác, theo biên bản xác minh ngày 28/3/2023 ông Đặng Văn X (Trưởng ấp T) xác định con chung của chị S, anh K được chị S chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo, cháu được học hành đầy đủ. Đồng thời, cháu T1 có văn bản trình bày ý kiến có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy để ổn định cuộc sống và theo nguyện vọng của cháu T1 nên cần giao con chung là Nguyễn Trung Hiếu T1, sinh ngày 16/8/2014 cho chị Nguyễn Thị S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử nhận thấy việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình, chị S là người đang trực tiếp nuôi con nhưng chị S không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Trung K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị S phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Trung K.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trung Hiếu T1, sinh ngày 16/8/2014 cho chị Nguyễn Thị S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Trung K không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị S có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0014826 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện O, chị S đã nộp đủ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Ủy ban nhân dân xã Đ (GCNKH số 56, ngày 01/10/2008);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga